TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HS-ST
Ngày:14-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xẹt

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Th,** sinh năm 1995 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi thường trú: Ấp L, xã V, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Phòng trọ L, khu phố K, phường B, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; dân tộc: Khơmer; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 02/12; con ông A, sinh năm 1972 và bà C, sinh năm 1973; bị cáo có 03 chị, em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: Không.

Ngày 12/11/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Sau đó, bỏ trốn và bị truy nã, đến ngày 28/01/2019 ra đầu thú và được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa của bị cáo Th: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương.

2. **Nh,** sinh năm 2000 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi thường trú: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng; giới tính: Nam; dân tộc: Khơmer; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 06/12; con ông D, sinh năm 1978 và bà K, sinh năm 1971; bị cáo có 02 chị, em; lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 22/4/2018 đến 02/5/2018 được trả tự do. Ngày 12/11/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố và truy nã. Đến ngày 12/02/2019 ra đầu thú và bị tạm giam cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nh: Ông V- Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1993; vắng mặt.

2. Ông Trương Văn X, sinh năm 1997; vắng mặt.

3. Ông Thạch Ngọc H, sinh năm 1999; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Th, H và Nh có mối quan hệ là bạn với nhau. Nguyễn Văn M và Trương Văn X có mối quan hệ là bạn với nhau, cả hai đều là đối tượng sử dụng chất ma túy.

Khoảng 22 giờ ngày 22 tháng 4 năm 2018, do cần ma túy để sử dụng nên X hỏi M còn tiền mua ma túy về sử dụng chung, M trả lời hết tiền để M ứng tiền lương, nếu có thì mua ma túy. Sau khi M ứng được 300.000 đồng, biết Th có bán ma túy nên M mượn điện thoại của X có số sim 01693.110.299 gọi vào số điện thoại 01633.100.499 để gặp Th hỏi mua ma túy với số tiền 300.000 đồng, Th đồng ý và nói M đến nhà trọ L thuộc khu phố K, phường B, thị xã TU, tỉnh Bình Dương để nhận ma túy. Sau khi nghe điện thoại của M, Th sử dụng điện thoại có số sim 01633.100.499 gọi vào số điện thoại 01682.812.651 của Hvà nói Hđến phòng trọ của Th để gặp Th. Sau đó, Hđến phòng trọ của Th tại khu phố K, phường B, thị xã TU, tỉnh Bình Dương để gặp Th. Khi Hđến thì Th đưa cho H 01 bịch ny lon hàn kín chứa ma túy đá và nói "Mày cầm bịch ma túy này giao cho thằng M dùm anh", H nói không biết M là ai thì Th nói "Mày cứ cầm qua phòng Nh đi, có thằng qua lấy". H cầm bịch ma túy Th đưa cất vào túi quần Jean rồi ra chỗ Nh đang đợi và cùng Nh về phòng trọ của Nh tại nhà trọ L. Trên đường đi về phòng trọ Hkhông nói cho Nh biết việc Th đưa ma túy để giao cho M. Sau đó M điều khiển xe mô tô biển số 77F4-8604 chở X đi từ khu vực cảng Thạnh Phước thuộc phường Thạnh Phước, thị xã TU, tỉnh Bình Dương đến nhà trọ L để nhận ma túy. Khi đến khu vực nhà trọ L, M sử dụng điện thoại có số sim 01693.110.299 gọi vào số điện thoại 01633.100.499 của Th nói cho Th biết là M đã đến trước cổng nhà trọ L. Nghe vậy, Th nói M chờ đó có người ra giao ma túy. Sau đó, Th sử dụng điện thoại có số sim 01633.100.499 gọi vào số điện thoại 01682.812.651 của Hvà nói Hra giao ma túy cho M và nói Hđưa điện thoại cho Nh để Th nói chuyện với Nh thì Hđưa điện thoại cho Nh nói chuyện với Th. Sau khi Nh nghe điện thoại, Th nói Nh đi cùng Hra khu vực trước cổng nhà trọ L để giao ma túy cho M rồi tắt máy. Sau khi nghe điện thoại của Th thì Nh và Hđi bộ ra khu vực cổng nhà trọ L. Khi ra đến cổng nhà trọ L, H và Nh nhìn thấy

có M và X đang ngồi trên một xe mô tô, H hỏi "Có phải anh M không" thì M trả lời "Phải". M đưa cho H 300.000 đồng, H cầm tiền cất vào túi quần sau bên trái đang mặc rồi đưa tay vào túi quần phía trước bên phải đang mặc định lấy ma túy đưa cho M thì lực lượng tuần tra thuộc Công an phường B, thị xã TU, tỉnh Bình Dương phát hiện bắt quả tang, tiến hành niêm phong bịch nylon có chứa chất tinh thể màu trắng và đưa H, Nh, M và X về trụ sở Công an phường B, thị xã TU để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng và chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 248/MT-PC54 ngày 27/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: 01 bịch nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể trắng thu giữ của Hlà ma túy, loại Methamphetamine có trọng lượng 0,1493 gam.

Cáo trạng số 79/CT-VKSTU ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố các bị cáo Nh và Th về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Th và Nh phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

- Về hình phạt:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38, khoản 2 Điều 51; điểm o, khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Th từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 101 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nh từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước vật chứng gồm: 01 (Một) điện thoại di động giả nhãn hiệu Vertu; màu vàng hồng; IMEL1: 355170510543954; IMEL2: 355170510595954, có gắn thẻ sim Viettel số 01633.100.499 ký hiệu sim 8984048000016211641 đã thu giữ của bị cáo Th.

+ Trả lại cho bị cáo Nh: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 366253119 tên Nh và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, IMEL1: 863442030725170, IMEL2: 863442030725162 có gắn thẻ sim Viettel đã thu giữ của bị cáo Nh.

+ Trả lại cho bị cáo Th: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 366062214 tên Th.

Đối với Nguyễn Văn M và Trương Văn X có hành vi mua ma túy vào ngày 22/4/2018 do Hvà Nh bán với mục đích sử dụng nhưng chưa nhận được

ma túy nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU không xử lý hình sự.

Đối với hành vi của Thạch Ngọc H, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tách vụ án và đề nghị xử lý riêng. Tại Bản án số 11/2019/HS-ST ngày 23/01/2019 của TAND thị xã TU đã xử phạt H03 (Ba) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý.

Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo Th và Nh khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nêu trên.

Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo Th trình bày: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, bị cáo Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, lúc đầu do không hiểu nên khai báo chưa rõ ràng nhưng sau đó nhận tội và ăn năn hối cải, hiện nay bị suy thận nặng đang phải thường xuyên chạy thận nhân tạo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và áp dụng Điều 67 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hoãn chấp hành hình phạt tù để chữa bệnh.

Tại phiên toà, người bào chữa cho bị cáo Nh trình bày: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo Nh có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi do bị rủ rê, là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 91 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án 01 năm 06 tháng tù.

Trong phần tranh luận và đối đáp tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU trình bày:

Không thống nhất với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Th về việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 do bị cáo khai báo quanh co đến khi công bố các lời khai có trong hồ sơ, đối chất với bị cáo Nh và lời khai của những người làm chứng thì bị cáo mới nhận tội là thể hiện sự không thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Về việc đề nghị áp dụng Điều 67 Bộ luật hình sự là không có căn cứ vì việc hoãn chấp hành hình phạt tù thuộc giai đoạn thi hành án.

Không thống nhất với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nh về việc đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nh hưởng mức án 01 năm 06 tháng tù vì lý do không phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, không đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo Th và Nh trình bày: Các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng áp dụng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tình tiết định tội và định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo Nh và Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Công an phường B, thị xã TU; kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2018 tại khu phố K, phường B, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Th và Nh cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy là Methamphetamine, trọng lượng 0,1493 gam cho ông Nguyễn Văn M và ông Trương Văn X.

Bị cáo Th khi phạm tội đã thành niên. Đối với bị cáo Nh, theo Kết luận giám định số 1937/C54B ngày 27/4/2018 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh thì tại thời điểm phạm tội (Tháng 4/2018) Nh có tuổi là từ 17 năm 04 tháng đến 17 năm 10 tháng. Như vậy, khi phạm tội các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Do đó, đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 79/CT-VKSTU ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố các bị cáo Th và Nh về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm, trong đó bị cáo Th phạm tội với vai trò rủ rê, xúi giục các bị cáo khác phạm tội, bị cáo Nh phạm tội với vai trò đồng phạm do bị cáo Th xúi giục.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nh thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi được chính quyền địa phương và gia đình vận động đã ra đầu thú; là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hoá thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế cho nên được hưởng các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Th khi được chính quyền địa phương và gia đình vận động đã ra đầu thú; là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hoá thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên lúc đầu bị cáo khai báo chưa rõ ràng nhưng sau khi được giải thích đã thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải và hiện nay đang bệnh nặng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Th xúi dục bị cáo Nh là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; đối với bị cáo Nh không có tình tiết tăng nặng.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt:

Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy ý kiến của người bào chữa có căn cứ chấp nhận một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với ý kiến về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nh được hưởng mức án 01 năm 06 tháng tù và việc áp dụng Điều 67 Bộ luật hình sự cho bị cáo Th được hoãn chấp hành hình phạt tù không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với 01 (Một) điện thoại di động giả nhãn hiệu Vertu, màu vàng hồng, IMEL1: 355170510543954; IMEL2: 355170510595954, có gắn thẻ sim Viettel số 01633.100.499ký hiệu sim 8984048000016211641 đã thu giữ của bị cáo Th là vật chứng liên quan đến việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với các vật chứng gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 366253119 tên Nh; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 366062214 tên Th và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, IMEL1: 863442030725170, IMEL2: 863442030725162 có gắn thẻ sim Viettel đã thu giữ của bị cáo Nh không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với các vật chứng khác đã được xử lý tại Bản án số 11/2019/HS-ST ngày 23/01/2019 của TAND thị xã TU nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Xét thấy cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Th và biện pháp tạm giam đối với bị cáo Nh để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Ông Nguyễn Văn M và ông Trương Văn X có hành vi mua ma túy với mục đích để sử dụng nhưng chưa nhận ma túy nên không đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU không xử lý hình sự là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 299, 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Khoản 1 Điều 251, các Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Th và Nh phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Th 04 (Bốn) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến khi có quyết định thi hành án đối với bị cáo Th để đảm bảo việc thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nh 02 (Hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 12 tháng 02 năm 2019, được khấu trừ thời gian tạm giữ kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2018 đến ngày 02 tháng 5 năm 2018.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến khi có quyết định thi hành án đối với bị cáo Nh để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước vật chứng gồm: 01 (Một) điện thoại di động giả nhãn hiệu Vertu, màu vàng hồng, IMEL1: 355170510543954; IMEL2: 355170510595954, có gắn thẻ sim Viettel số 01633.100.499 ký hiệu sim 8984048000016211641 đã thu giữ của bị cáo Th.

- Trả lại cho bị cáo Nh: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 366253119 tên Nh và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, IMEL1: 863442030725170, IMEL2: 863442030725162 có gắn thẻ sim Viettel đã thu giữ của bị cáo Nh.

- Trả lại cho bị cáo Th: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 366062214 tên Th.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/01/2019 và ngày16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nh và Th mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Công an thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đào Văn Hưng